

Tổng ôn Cấu trúc song song (Parallel Structure)

I. Định nghĩa Cấu trúc song song là gì?

Cấu trúc song song (Parallel Structure) là việc sử dụng các thành phần ngữ pháp giống nhau (từ, cụm từ, hoặc mệnh đề) để thể hiện các ý tưởng có vai trò tương đương trong một câu. Việc sử dụng cấu trúc song song giúp câu văn trở nên cân đối, rõ ràng, mạch lạc và dễ hiểu hơn.

Nói một cách đơn giản, khi bạn liệt kê hai hay nhiều ý, chúng phải có cùng một dạng ngữ pháp. Nếu ý đầu tiên là một danh từ, các ý tiếp theo cũng phải là danh từ. Nếu ý đầu tiên là một động từ nguyên thể (to-infinitive), các ý tiếp theo cũng phải là động từ nguyên thể.

II. Các quy tắc sử dụng cấu trúc song song

1. Song song với Liên từ kết hợp (Coordinating Conjunctions)

Khi hai hay nhiều thành phần trong câu được nối với nhau bằng các liên từ kết hợp, chúng phải có cấu trúc ngữ pháp tương đồng.

Công thức: Thành phần 1 + [Liên từ kết hợp] + Thành phần 2

Các liên từ kết hợp thường gặp là **FANBOYS**:

- **For** (vì)
- **And** (và)

- **Nor** (cũng không)
- **But** (nhưng)
- **Or** (hoặc)
- **Yet** (tuy nhiên)
- **So** (vì vậy)

a. Song song về từ loại (danh từ, động từ, tính từ, trạng từ)

- **Danh từ (Nouns):**

- **Đúng:** She likes reading books, listening to music, and watching movies.
(Gerund phrases - Cụm danh động từ)
- **Sai:** She likes reading books, to listen to music, and watch movies.

- **Động từ (Verbs):**

- **Đúng:** He ran to the station, bought a ticket, and jumped onto the train.
(Tất cả đều ở thì quá khứ đơn)
- **Sai:** He ran to the station, buying a ticket, and jumped onto the train.

- **Tính từ (Adjectives):**

- **Đúng:** The new employee is hard-working, intelligent, and reliable.
- **Sai:** The new employee is hard-working, intelligent, and has reliability.

- **Trạng từ (Adverbs):**

- **Đúng:** The orchestra played passionately and skillfully.
- **Sai:** The orchestra played with passion and skillfully.

b. Song song về cụm từ (phrases)

• Cụm giới từ (Prepositional Phrases):

- **Đúng:** The keys are either on the table or in the drawer.
- **Sai:** The keys are either on the table or where the drawer is.

• Cụm động từ nguyên thể (Infinitive Phrases):

- **Đúng:** His goal is to save money and to travel the world.
- **Sai:** His goal is to save money and traveling the world.

c. Song song về mệnh đề (clauses)

Các mệnh đề được nối với nhau phải có cấu trúc tương đồng.

- **Đúng:** The teacher told us that we should study hard and that we should prepare well for the exam.
- **Sai:** The teacher told us that we should study hard and to prepare well for the exam.

2. Song song với Liên từ tương quan (Correlative Conjunctions)

Cấu trúc ngữ pháp theo sau phần đầu của liên từ tương quan phải giống với cấu trúc ngữ pháp theo sau phần thứ hai.

Công thức: Liên từ 1 + Cấu trúc A + Liên từ 2 + Cấu trúc A

Các cặp liên từ tương quan phổ biến:

- **either ... or ...** (hoặc ... hoặc ...)
- **neither ... nor ...** (không ... cũng không ...)

- **not only ... but also ...** (không những ... mà còn ...)
- **both ... and ...** (cả ... và ...)
- **whether ... or ...** (liệu ... hay ...)

Ví dụ minh họa:

- **either ... or ...**

- **Đúng:** You can either wait for him or leave now. (Động từ nguyên mẫu)
- **Sai:** You can either wait for him or leaving now.

- **neither ... nor ...**

- **Đúng:** He is neither friendly nor helpful. (Tính từ)
- **Sai:** He is neither friendly nor does he help.

- **not only ... but also ...**

- **Đúng:** She is famous not only for her acting but also for her singing. (Cụm giới từ)
- **Sai:** She is famous not only for her acting but also because she sings well.

- **both ... and ...**

- **Đúng:** The course is designed for both graduate students and undergraduate students. (Cụm danh từ)
- **Sai:** The course is designed for both graduate students and for undergraduates.

3. Song song trong câu so sánh (Comparisons)

Khi so sánh hai hay nhiều đối tượng, các thành phần được so sánh phải có cấu trúc ngữ pháp tương đương.

Công thức: Đối tượng A (Dạng X) + từ so sánh + Đối tượng B (Dạng X)

Ví dụ minh họa:

- **So sánh hơn với 'than':**

- **Đúng:** To exercise is better than to sleep all day. (Động từ nguyên thể)
- **Đúng:** Exercising is better than sleeping all day. (Danh động từ)
- **Sai:** To exercise is better than sleeping all day.

- **So sánh với 'as...as':**

- **Đúng:** Working with her is as pleasant as working with him. (Cụm danh động từ)
- **Sai:** Working with her is as pleasant as to work with him.

- **So sánh với 'like' hoặc 'unlike':**

- **Đúng:** Unlike my brother, my sister is very talkative. (Danh từ)
- **Sai:** Unlike my brother, the way my sister talks is a lot.

4. Song song trong danh sách liệt kê (Items in a Series)

Tất cả các mục trong một danh sách hoặc chuỗi liệt kê phải có cùng dạng ngữ pháp.

Công thức: Mục A, Mục B, and/or Mục C

Ví dụ minh họa:

• Liệt kê danh từ:

- **Đúng:** Please buy milk, eggs, and bread.
- **Sai:** Please buy milk, some eggs, and buying bread.

• Liệt kê cụm động từ:

- **Đúng:** In the morning, I usually wake up early, do some exercise, and have a big breakfast.
- **Sai:** In the morning, I usually wake up early, doing some exercise, and to have a big breakfast.

• Liệt kê tính từ:

- **Đúng:** The landscape was vast, beautiful, and peaceful.
- **Sai:** The landscape was vast, a beautiful sight, and peaceful.

III. Lỗi sai thường gặp và cách sửa

Dưới đây là bảng tổng hợp một số lỗi sai phổ biến liên quan đến cấu trúc song song và cách khắc phục.

Lỗi sai (Incorrect)	Phân tích lỗi	Sửa lại (Correct)
I enjoy <u>hiking</u> and <u>to swim</u> .	Kết hợp Danh động từ (V-ing) và Động từ nguyên thể (to-V).	I enjoy <u>hiking</u> and <u>swimming</u> .
He was not only a great leader but also he wrote books.	Sau 'not only' là cụm danh từ (a great leader), nhưng sau 'but also' là một mệnh đề.	He was not only <u>a great leader</u> but also <u>a talented writer</u> .
The report was <u>informative</u> , <u>well-written</u> , and it was a help to us.	Liệt kê hai tính từ và một mệnh đề.	The report was <u>informative</u> , <u>well-written</u> , and <u>helpful</u> .
To protest is more effective than writing a letter.	So sánh giữa Động từ nguyên thể (to-V) và Danh động từ (V-ing).	<u>Protesting</u> is more effective than <u>writing a letter</u> .

IV. Bài tập vận dụng

Chọn đáp án đúng để hoàn thành câu.

- My hobbies are reading books, listening to music, and _____ chess.
 - to play
 - playing
 - play
 - played

2. The new system is not only more efficient but also _____.
A. it costs less
B. less costly
C. to cost less
D. costing less
3. The doctor advised him to stop smoking, _____ more, and eat a healthier diet.
A. exercising
B. to exercise
C. exercise
D. he should exercise
4. To learn a new language is often more challenging than _____ a new skill in sports.
A. to master
B. mastering
C. you master
D. master
5. She is neither going to the party nor _____ at home.
A. to stay
B. will she stay
C. staying
D. stay

Đáp án

1. **B. playing** (Cấu trúc song song với danh động từ: reading, listening, and playing)
2. **B. less costly** (Cấu trúc song song với tính từ: more efficient and less costly)
3. **C. exercise** (Cấu trúc song song với động từ nguyên mẫu không 'to' sau 'advised him to': stop..., exercise..., and eat...)
4. **B. mastering** (Cấu trúc song song dạng V-ing/To-V. Tuy nhiên, 'to learn' có thể song song với 'mastering' trong một số ngữ cảnh so sánh. 'To learn...than to master' là lý tưởng nhất, nhưng 'learning...than mastering' cũng đúng. Ở đây, 'mastering' là lựa chọn hợp lý nhất để tạo sự cân bằng với 'learning' (ẩn ý từ 'to learn').)
5. **C. staying** (Cấu trúc song song với danh động từ: going and staying)